TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-02-2018.
"V/v tranh chấp HNGĐ -
Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;

2. Ông Phạm Phước Tâm;

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 606/2017/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Kim M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp MT, xã MX, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp MT, xã MX, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Võ Kim M là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M, anh T kết hôn năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MX ngày 13/8/2004. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Từ năm 2005, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Anh T không còn quan tâm đến vợ, con, không phụ giúp vợ nuôi con; thu nhập của ai người đó quản lý. Hiện nay, chị M, anh T đã sống ly thân, sau khi ly thân chị M đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung tên Lê Vũ K, sinh ngày 02/7/2005. Hiện nay, con chung đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm một căn nhà cấp 4, nền gạch men, mái tol, trị giá căn nhà là 110.000.000 đồng. Căn nhà được xây dựng trên diện tích đất 358m^2, thuộc thửa 75, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp MT, xã MX, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp do ông Lê Văn Vẹn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ly hôn chị M yêu cầu chia tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 thành 03 phần và chị yêu cầu được nhận 02 phần.

Ngày 22/12/2017, chị M có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn và tại phiên tòa sơ thẩm, chị M vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện CL 6.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M, anh T đã trả số nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện CL và Ngân hàng có văn bản ý kiến đề nghị không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng. Hiện nay, vợ chồng không còn nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. **Về tố tụng**: Chị Võ Kim M có đơn yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Lê Văn T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp MT, xã MX, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn T.

2. **Về nội dung vụ án**:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M, hội đồng xét xử nhận định: Chị M, anh T kết hôn năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MX, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp ngày 13/8/2004. Do đó, hôn nhân giữa chị M, anh T là hợp pháp. Chị M cho rằng, từ năm 2005, cuộc sống vợ chồng thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống; anh T không quan tâm đến vợ, con; không phụ giúp chị M nuôi con, thu nhập của ai thì người đó quản lý. Hiện nay, chị M, anh T đã sống ly thân, sau khi ly thân chị M đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Anh T đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết nội dung chị M yêu cầu xin ly hôn với anh, nhưng không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa. Từ những căn cứ trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị M.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Vũ K, sinh ngày 02/7/2005. Hiện nay, con chung đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào văn bản tự khai ngày 16/11/2017 thì cháu Lê Vũ K có nguyện vọng được sống với chị M. Từ khi sinh con cho đến nay chị M là người trực tiếp nuôi con. Do đó, giao con chung tên Lê Vũ K, sinh ngày 02/7/2005 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung**: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị M do chị M rút yêu cầu.

- **Về nợ chung**: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 16243 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra chị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn là 300.000 đồng mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 04158 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Võ Kim M.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Kim M được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung:

Chị Võ Kim M được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Vũ K, sinh ngày 02/7/2005. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị Võ Kim M do chị M rút yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Chị Võ Kim M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 16243 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Võ Kim M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn là 300.000 đồng mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 04158 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa
(Đã Ký)

Trần Hữu Hà